

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Chương trình hành động số 9/CTr-ĐU ngày 24/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình, Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu VT, KHTC_{HAIVĐ}.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ XÂY DỰNG
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết
luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài
chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030
gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa phát triển ngành xây dựng với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế theo đúng định hướng của Chính phủ.

2. Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời và đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương; bảo đảm thống nhất với Chương trình hành động của Chính phủ, đồng thời bám sát chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030.

3. Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi; phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm đầu ra; lấy kết quả thực hiện làm thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu, trong đó đặc biệt chú trọng 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược; với phương châm hành động “Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gần dân, vì dân” và 06 yêu cầu “nhanh, đúng, trúng, chuẩn, hiệu quả và an toàn”.

4. Quán triệt sâu sắc yêu cầu đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, tháo gỡ điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển lực lượng sản xuất mới, gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển xanh và thích ứng biến đổi khí hậu.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Tốc độ tăng trưởng khu vực xây dựng đạt khoảng 14,5%/năm, đóng góp quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10%/năm của cả nước.

2. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%, hình thành hệ thống đô thị hiện đại, đồng bộ, là động lực phát triển vùng và quốc gia.

3. Hoàn thiện 100% nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân; phấn đấu hoàn thành mục tiêu Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030".

5. Tạo đột phá trong phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở xã hội, đô thị thông minh và hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, năng lực thực thi và chất lượng dịch vụ công trong toàn ngành.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất tư duy phát triển, đổi mới mạnh mẽ quản trị thực thi, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, quyết tâm thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”

- Quán triệt sâu sắc trong về vai trò của ngành xây dựng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt trong giai đoạn 2026 - 2030. Tập trung thúc đẩy chuyển biến căn bản về tư duy quản lý nhà nước, từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị phát triển hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, lấy hiệu quả đầu ra và tác động lan tỏa đến tăng trưởng kinh tế - xã hội làm thước đo chủ yếu; cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng thành các chỉ tiêu, kịch bản tăng trưởng hằng năm; gắn với trách nhiệm người đứng đầu và kết quả thực hiện cụ thể.

- Đổi mới phương thức quản lý theo hướng quản trị hiện đại, tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá theo sản phẩm đầu ra; bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong điều hành, phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Qua đó, tạo chuyển biến thực chất trong năng lực tổ chức thực thi, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong toàn ngành.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế nhằm giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

- Tập trung rà soát tổng thể, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, bảo đảm tính liên thông giữa các lĩnh vực quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, nhà ở và thị trường bất động sản, bảo đảm hướng đến việc nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm các quy định pháp luật thực sự “đi vào cuộc sống”, tháo gỡ được các rào cản, nút thắt đang cản trở phát triển.

- Đẩy mạnh đổi mới phương thức quản lý nhà nước, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở đổi mới tư duy từ quản lý bằng cấp phép sang quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn và công cụ giám sát hiện đại. đồng thời tăng cường

phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát hiệu quả. Rà soát, xây dựng và điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, làm cơ sở huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn lớn liên quan đến đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản nhằm tạo tác động lan tỏa sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế, qua đó góp phần khơi thông và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển.

- Tiếp tục cụ thể hóa những chủ trương, định hướng của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội. Bảo đảm tiến độ, chất lượng, hoàn thành tổng kết đối với các Luật, Bộ Luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo kế hoạch.

- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù đang áp dụng cho các địa phương (nếu có) để nghiên cứu, thể chế hóa thành chính sách chung cho ngành, cả nước.

- Phối hợp xây dựng thể chế thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, ... phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như: Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ... cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia và của ngành.

3. Xác lập mô hình tăng trưởng mới của ngành xây dựng, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và phát triển các động lực tăng trưởng mới

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới của ngành theo hướng chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, phát huy vai trò là một trong những trụ cột quan trọng của nền kinh tế, có vai trò trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng thông qua đầu tư phát triển, đồng thời đóng vai trò tổ chức không gian phát triển và dẫn dắt các ngành, lĩnh vực khác.

- Nghiên cứu tái cơ cấu ngành toàn diện, đồng bộ, gắn với phát triển các lĩnh vực then chốt như công nghiệp xây dựng, vật liệu xây dựng, dịch vụ xây dựng và thị trường bất động sản theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, có năng lực cạnh tranh cao. Đồng thời, thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, minh bạch, ổn định, gắn với nhu cầu thực của nền kinh tế và người dân, qua đó nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, hạn chế rủi ro và bảo đảm an toàn hệ thống tài chính - kinh tế.

- Nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, xây dựng chính sách hỗ trợ để khu vực kinh tế nhà nước đủ mạnh, quy mô đủ lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

- Phối hợp xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, gắn với chuyển giao, học hỏi và tiếp thu công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ. Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển các động lực tăng trưởng mới, đặc biệt là các lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trong ngành xây dựng; qua đó góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng và hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại; khai thác hiệu quả không gian phát triển, lấy đô thị làm động lực tăng trưởng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông¹ và đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao với các loại hạ tầng khác như năng lượng, logistics và hạ tầng số, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội. Thúc đẩy liên kết, phát triển vùng, coi đây là giải pháp mang tính đột phá để phát triển các vùng động lực quốc gia, các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế và các đô thị lớn, trung tâm kinh tế.

- Xây dựng và phát triển các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ, đặc biệt là dọc theo các tuyến vành đai chiến lược như vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục hoàn thiện thể chế liên kết vùng theo hướng rõ vai trò điều phối, phân định trách nhiệm, bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả trong tổ chức thực hiện, khắc phục các điểm nghẽn về thể chế trong phát triển vùng.

- Phối hợp thúc đẩy phát triển kinh tế biển; phát triển hệ thống hạ tầng ven biển, đô thị ven biển và các khu kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững và đa ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh, khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đặc biệt tại các khu vực đặc thù như đặc khu, đảo, vùng ven biển có vị trí chiến lược.

- Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa theo hướng bền vững, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị hiện hữu với phát triển các đô thị mới hiện đại. Phát triển mô hình đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng, tăng cường khai thác không gian ngầm, phát triển hệ thống đường sắt đô thị, tàu điện ngầm tại các đô thị lớn, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giảm áp lực hạ tầng và cải thiện chất lượng môi trường sống.

- Chú trọng phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá phù hợp, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định thị trường bất động sản.

¹ Tập trung đầu tư các tuyến đường bộ cao tốc theo quy hoạch, các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không lớn, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị; xây dựng, nâng cấp trục giao thông đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây, các trục đường bộ Đông - Tây quan trọng; phần đầu hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030; triển khai giai đoạn 2 Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Đến năm 2030 đưa vào sử dụng trên 5.000 km đường bộ cao tốc. Xây dựng các tuyến giao thông trọng yếu kết nối liên vùng, kết nối các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu quốc tế lớn. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa có mật độ vận tải cao; phát triển hệ thống cảng thủy nội địa trên các hành lang vận tải thủy chính.

- Tăng cường phối hợp thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững, phát triển các mô hình tổ chức sản xuất hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; qua đó xây dựng nông thôn mới theo hướng giàu đẹp, văn minh, bản sắc và bền vững.

5. Đẩy mạnh đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, liên thông về xây dựng, đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; đẩy mạnh số hóa công tác quản lý nhà nước, góp phần nâng cao hiệu lực điều hành, giảm chi phí xã hội và tăng tính minh bạch.

- Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong ngành xây dựng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Xây dựng các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao và các công nghệ có tính nền tảng, phù hợp với điều kiện và quy mô của ngành; từng bước nâng cao năng lực làm chủ công nghệ, tăng cường liên kết nghiên cứu - ứng dụng, hướng tới tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, ưu tiên cho công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào các nhóm ngành công nghệ chiến lược. Phối hợp phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn.

6. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; nâng cao chất lượng đầu tư công

- Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác công - tư, phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong phát triển hạ tầng và đô thị.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án có tính lan tỏa lớn, tạo động lực tăng trưởng; tăng cường quản lý, giám sát, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án; phát huy vai trò dẫn dắt, định hướng, tạo lập môi trường thuận lợi để huy động tối đa nguồn lực xã hội, đồng thời bảo đảm cân đối vĩ mô và ổn định kinh tế.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu

- Tập trung thúc đẩy phát triển công trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện môi trường; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm phát thải trong toàn ngành.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, xử lý nước thải, thoát nước đô thị, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, làng nghề và các lưu vực sông trọng điểm.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng theo hướng xanh, bền vững; thúc đẩy tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình giao thông, xây dựng; khuyến khích phát triển các công trình, hệ thống hạ tầng sử dụng năng lượng sạch, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình, chiếu sáng đô thị và sản xuất vật liệu xây dựng.

Thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, hoàn thiện các phương án, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu cao, đặc biệt là hệ thống thoát nước, chống ngập, chống sạt lở và các công trình phòng, chống thiên tai.

Phối hợp triển khai các giải pháp bố trí, sắp xếp khu dân cư và phát triển nhà ở tại các khu vực có nguy cơ cao chịu tác động của thiên tai; góp phần bảo đảm an toàn cho người dân, giảm thiểu thiệt hại và nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống đô thị trước biến đổi khí hậu.

8. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị và thực thi của ngành xây dựng

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nâng cao chất lượng nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ, đô thị thông minh, hạ tầng hiện đại và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi (như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ số, môi trường, năng lượng, vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao,...); nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các “tổng công trình sư” đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh trong phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị; góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

- Bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh trong công tác quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và các công trình trọng điểm quốc gia bảo đảm phù hợp với thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc bảo đảm an toàn công trình, an ninh hạ tầng kỹ thuật, an ninh đô thị và trật tự, an toàn xã hội; nâng cao năng lực phối hợp liên ngành trong công tác phòng ngừa, ứng phó và xử lý, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn các công trình xây dựng, đặc biệt là công trình hạ tầng trọng yếu, công trình có ý nghĩa chiến lược; nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống hạ tầng trước các tình huống khẩn cấp, thiên tai và các rủi ro an ninh phi truyền thống.

- Phối hợp triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; bảo vệ hệ thống dữ liệu ngành, hệ thống điều hành, quản lý trên nền tảng số; góp phần bảo đảm an ninh mạng, an ninh số trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

10. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế góp phần nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh quốc gia

- Tiếp tục chủ động triển khai hiệu quả các điều ước quốc tế, thỏa thuận hợp tác đã ký kết nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động hợp tác chuyên ngành, tăng cường kết nối hoạt động giao thông vận tải giữa Việt Nam và thế giới; tập trung huy động, khai thác nguồn lực, công nghệ, kinh nghiệm quản lý quốc tế phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, vận tải và lĩnh vực xây dựng; hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư, mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế. Chủ động tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình cam kết của Chính phủ và của Ngành.

- Tăng cường hợp tác song phương có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên phối hợp thúc đẩy triển khai các dự án hạ tầng chiến lược, đặc biệt là các dự án đường sắt kết nối quốc tế; tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế hợp tác liên Chính phủ; đồng thời mở rộng hợp tác chuyên ngành trong quy hoạch, phát triển đô thị, đô thị xanh - thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm có sản phẩm cụ thể, tiến độ rõ ràng.

- Đẩy mạnh tham gia các cơ chế hợp tác đa phương, nâng cao vai trò, vị thế của ngành Xây dựng Việt Nam tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như Liên hợp quốc, ASEAN, ASEAN+, GMS, APEC, ASEM và các cơ chế hợp tác chuyên ngành; chủ động tham gia đóng góp, định hình các tiêu chuẩn, xu hướng phát triển trong các lĩnh vực liên quan.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế và đối tác phát triển như WB, ADB, JICA, EDCF và các đối tác khác nhằm huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị và vận tải; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tiếp cận các mô hình tài chính, quản lý tiên tiến.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển hệ thống vận tải hiện đại, logistics và chuỗi cung ứng; nâng cao năng lực kết nối hạ tầng, từng bước tham gia sâu vào mạng lưới vận tải khu vực và toàn cầu; thúc đẩy phát triển vận tải xanh, vận tải thông minh và giảm phát thải.

- Nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết quốc tế; tăng cường năng lực hội nhập, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích quốc gia và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng.

11. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản thủ tục hành chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với nâng cao năng lực thực thi của địa phương và tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ công, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực thi công vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Thứ trưởng căn cứ lĩnh vực được phân công phụ trách để chỉ đạo, điều hành, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ:

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời theo kế hoạch các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục kèm theo Chương trình hành động; cụ thể hóa thành kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị mình, xác định rõ mục tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để bảo đảm chất lượng, tiến độ thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; chịu trách nhiệm toàn diện trước Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp xử lý đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Chủ động theo dõi sát diễn biến tình hình trong nước và quốc tế liên quan đến lĩnh vực quản lý; tăng cường công tác phân tích, đánh giá, dự báo; kịp thời chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất Lãnh đạo Bộ các giải pháp, biện pháp điều hành phù hợp, bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ

- Văn phòng Bộ chủ trì theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Chương trình hành động;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chương trình hành động khi có yêu cầu; đồng thời trên cơ sở báo cáo của các đơn vị đề xuất các giải pháp điều chỉnh, bổ sung cần thiết nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện Chương trình hành động đạt hiệu quả cao./.
